TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 12/02/2018
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Đỗ Văn Trung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Phát Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Ngày 12 tháng 02 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thúy D, sinh năm: 1996; ĐKTT: ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh H; Chổ ở hiện nay: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh H. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Phạm Quốc V, sinh năm: 1992; Địa chỉ: ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh H. (Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T (mẹ anh V), sinh năm: 1966; Địa chỉ: ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh H. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17/8/2017 các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thúy D trình bày:

Chị và anh Phạm Quốc V làm lễ cưới và chung sống với nhau năm 2013, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2015. Vợ chồng

chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không thật sự tin tưởng nhau trong việc quản lý tiền bạc trong gia đình, trong lúc cự cải anh V còn có những lời lẽ xúc phạm đến danh dự của chị D. Từ đó dẫn đến mất hạnh phúc gia đình, chị D và anh V chính thức ly thân từ tháng 6/2017 đến nay.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Nữ trang ngày cưới 07 chỉ vàng 24k gồm 01 đôi bông 01 chỉ, 01 tấm lắc 03 chỉ và 01 sợi dây chuyền 03 chỉ. Số vàng này hiện tại do mẹ chồng là bà Nguyễn Thị T đang quản lý. Bộ đồ nghề làm tóc nam nữ có giá 10.000.000 đồng anh V đang quản lý. Ngoài ra chị D và anh V có nhờ mẹ chồng là bà T chơi dùm 01 chưng hụi tháng 1.000.000 đồng, đóng được 9 lần với tổng số tiền tính theo hụi chết là 9.000.000 đồng

Về nợ chung: Không có.

Nay chị D yêu cầu ly hôn với anh V; Về con chung: Không có; Về tài sản chung: Chị D có đơn yêu cầu được chia đôi 07 chỉ 24K do mẹ chồng là bà T đang giữ, nên bà T phải trả lại cho chị 3,5 chỉ vàng 24K. Đối với các tài sản khác chị D không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại tòa bị đơn anh Phạm Quốc V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung chị D trình bày là đúng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng sống không hợp nhau hay bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cự cải. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay do chị D tự ý bỏ đi.

Nay chị D yêu cầu ly hôn anh V cũng thống nhất ly hôn; Về con chung: Không có; Về tài sản chung: 07 chỉ vàng 24 K là nữ trang cưới, hiện tại do mẹ ruột anh V là bà Nguyễn Thị T cất giữ, anh V không đồng ý chia đôi số vàng cưới. Ngoài ra vợ chồng còn tạo lập mua sắm được số tài sản chung là: 5 chỉ 8,8 phân vàng 18K gồm: 01 đôi bông tai 5 phân, 01 bộ vòng tay 1,5 chỉ, 01 sợi dây chuyền 02 chỉ và 03 chiếc nhẫn 1,5 chỉ; 02 chiếc nhẫn 1,5 chỉ vàng 24K và 6.000.000 đồng, toàn bộ số vàng và tiền này chị D đang quản lý, anh V có đơn yêu cầu được chia đôi số tài sản do chị D đang quản lý; Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T thừa nhận có giữ của vợ chồng chị D và anh V 07 chỉ vàng 24K gồm: 01 đôi bông 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền 03 chỉ và 01 tấm lắc 03 chỉ. Nay bà T không đồng ý trả lại cho chị D ½ số tài sản trên theo yêu cầu của chị D là 3,5 chỉ vàng 24K vì bà T muốn vợ chồng anh V và chị D đoàn tụ, còn nếu chị D kiên quyết ly hôn thì bà T sẽ giữ 07 chỉ vàng 24K để cưới vợ khác cho anh V. Đối với chưng hụi tháng 1.000.000 đồng bà T chơi dùm cho vợ chồng anh V thì vợ chồng anh V đã hốt để làm ăn, chứ không phải hụi còn sống như chị D trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thúy D và anh Phạm Quốc V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không thật sự tin yêu nhau nên thường xuyên xảy ra cự cải, từ đó làm mất hạnh phúc gia đình, dẫn đến việc vợ chồng chính thức ly thân nhau từ tháng 6/2017 đến nay và vợ chồng không còn quan tâm nhau. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị D vẫn kiên quyết ly hôn, anh V cũng thống nhất ly hôn. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị D và anh V.

[2] Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: 07 chỉ vàng 24K gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền 03 chỉ và 01 tấm lắc 03 chỉ. Chị D và anh V đều thống nhất là nữ trang ngày cưới nên có căn cứ xác định đây là tài sản chung của vợ chồng. Do đó việc chị D yêu cầu được chia ½ giá trị tài sản trên là có căn cứ. Bà T thừa nhận đang quản lý 07 chỉ vàng 24K là vàng cưới của chị D và anh V. Vì vậy bà T phải có trách nhiệm giao lại cho chị D 3,5 chỉ vàng 24K theo yêu cầu của chị D là phù hợp. Đối với ½ tài sản chung vàng cưới là 3,5 chỉ vàng 24K anh V được chia, do anh V không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với việc anh V yêu cầu được chia ½ số tài sản chung do vợ chồng tạo lập được hiện do chị D đang quản lý gồm: 5 chỉ 8,8 phân vàng 18K; 1,5 chỉ vàng

24K và 6.000.000 đồng, anh V yêu cầu được chia 02 chỉ 9,4 phân vàng 18K; 7,5 phân vàng 24K và 3.000.000 đồng, nhưng anh V không có chứng cứ chứng minh là vợ chồng có số tài sản này và hiện tại do chị D đang quản lý. Đồng thời chị D không thừa nhận là đang quản lý số tài sản chung do vợ chồng tạo lập được như anh V trình bày, do đó không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh V

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm (án phí chia tài sản chung): Đương sự phải nộp 5% trên tổng giá trị tài sản được chia theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 55 Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thúy D và anh Phạm Quốc V.

Về con chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho chị Phạm Thúy D 3,5 chỉ vàng 24K (loại 98%).

Về nợ: Các đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thúy D phải nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí thể hiện tại biên lai số 0013938 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Án phí chia tài sản chung: Chị Phạm Thúy D phải nộp 630.000 đồng. Chuyển 315.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013967 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Chị D còn phải nộp 315.000 đồng.

Hoàn trả cho anh Phạm Quốc V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 322.000 đồng theo biên lai số 0013968 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- UBND thị trấn Mái Dầm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Tiến Dũng